

# Unit 6: GENDER EQUALITY

## TEST 2

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

### "Talent Has No Gender Label"

- The (1)\_\_\_\_\_ individuals shine regardless of their gender. In today's world, (2)\_\_\_\_\_ transform workplaces daily. The professionals (3)\_\_\_\_\_ in our company represent global diversity. Our organization brings opportunities (4)\_\_\_\_\_ everyone. (5)\_\_\_\_\_ of accomplishments, gender is never a barrier. We encourage breaking stereotypes and embracing equality.
- ❖ Join us in (6)\_\_\_\_\_ an inclusive workplace where talent knows no boundaries.

Question 1: **A. talented**                      B. talent                      C. talentive                      D. talentedly

"Talented" là tính từ, phù hợp với cấu trúc câu mô tả những người có tài năng, còn "talent" là danh từ, không phù hợp trong câu này.

Question 2: **A. leaders innovative female**                      B. female innovative leaders  
C. leaders female innovative                      **D. innovative female leaders**

Cấu trúc chính xác của câu là "innovative female leaders", trong đó "innovative" là tính từ bổ nghĩa cho "female leaders".

Question 3: **A. was worked**                      B. worked                      **C. working**                      D. which worked

Cần dùng "working" (dạng V-ing) để mô tả hành động đang diễn ra, phù hợp với cấu trúc câu.

Question 4: **A. with**                      **B. to**                      C. for                      D. about

Chúng ta dùng "to" khi nói về việc mang cơ hội đến cho ai đó, như trong câu này: "bring opportunities to everyone" có nghĩa là mang cơ hội đến cho tất cả mọi người.

Question 5: **A. Speaking**                      B. Doing                      C. Talking                      D. Bringing

"Speaking of" là một cụm cố định trong tiếng Anh, thường được dùng để chuyển chủ đề khi bạn muốn nhắc đến điều gì đó có liên quan đến câu chuyện hoặc đối tượng đang được nói tới.

Question 6: **A. to create**                      B. create                      C. to creating                      **D. creating**

Khi sử dụng cấu trúc "join us in", chúng ta cần theo sau bằng danh động từ (gerund), tức là động từ ở dạng "-ing".

Read of the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

### "Equal Ground, Infinite Horizons"

- ❖ Are you ready to be part of a transformative journey?
- While some people focus on competition, (7)\_\_\_\_\_ believe in collaboration for success. At Equal Ground, we understand that true progress comes from working together, not against each other. Our

organization strives to (8) \_\_\_\_\_ new talents from diverse backgrounds. We believe that every individual has unique potential waiting to be discovered and nurtured.

- The initiative demonstrates our (9) \_\_\_\_\_ to inclusivity and empowerment. Through our comprehensive programs, we create pathways for personal and professional growth. (10) \_\_\_\_\_ our mission, we provide equal opportunities for all. Whether you're a fresh graduate or an experienced professional, our doors are always open.
- Our (11) \_\_\_\_\_ encompasses growth, innovation, and sustainability. We're building a future where success knows no boundaries and opportunities are limitless. A (12) \_\_\_\_\_ of participants have benefited from our programs. Join us today and become part of our growing community!

**Question 7:** A. another                      B. other                      **C. others**                      D. the others

"Others" được sử dụng để chỉ nhóm người khác (những người ngoài nhóm đã đề cập trước đó). Câu này có nghĩa là "Trong khi một số người tập trung vào sự cạnh tranh, những người khác tin vào sự hợp tác để thành công."

**Question 8:** **A. bring up**                      B. back up                      C. break off                      D. come about

"Bring up" có nghĩa là "đề cập đến" hoặc "đưa ra", và trong ngữ cảnh này, "bring up new talents" có nghĩa là "mang đến những tài năng mới". Các lựa chọn khác như "back up", "break off", và "come about" không phù hợp trong trường hợp này.

**Question 9:** **A. commitment**                      B. ability                      C. curiosity                      D. reluctance

"Commitment" có nghĩa là sự cam kết, sự tận tâm, và phù hợp với ngữ cảnh là cam kết đối với tính bao gồm và trao quyền. Các từ như "ability", "curiosity", và "reluctance" không phù hợp về nghĩa.

**Question 10:** A. In terms of                      **B. In accordance with**                      C. In place of                      D. By means of

"In accordance with" có nghĩa là "theo đúng" hoặc "phù hợp với", và được sử dụng đúng trong ngữ cảnh về sứ mệnh của tổ chức. Cụm từ này dùng để nói rằng hành động được thực hiện theo sứ mệnh của tổ chức. Các lựa chọn còn lại không phù hợp với nghĩa câu.

**Question 11:** A. mission                      B. strategy                      C. values                      **D. vision**

"Vision" (tầm nhìn) là từ phù hợp trong ngữ cảnh này vì nó liên quan đến mục tiêu và hướng phát triển lâu dài của tổ chức. Các từ như "mission" (sứ mệnh), "strategy" (chiến lược), và "values" (giá trị) tuy đều có nghĩa nhưng không phù hợp trong ngữ cảnh này.

**Question 12:** **A. great number**                      B. small number                      C. large amount                      D. few

"Great number" có nghĩa là "số lượng lớn" và là cách diễn đạt phù hợp nhất khi nói về số lượng người tham gia đã được lợi từ các chương trình. Các lựa chọn khác như "small number" (số ít), "large amount" (khối lượng lớn) và "few" (ít) không đúng về ngữ pháp và ngữ nghĩa.

**Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.**

**Question 13:**

a. Alex: "What happened?"

- b. Sarah: "The interviewer asked me if I plan to have children soon, suggesting it might affect my commitment to work."
- c. Sarah: "Hey Alex, you won't believe what happened at my tech startup interview yesterday!"
- A. a-c-b                      B. b-c-a                      C. a-b-c                      **D. c-a-b**

Câu chuyện sẽ bắt đầu từ Sarah kể cho Alex về một sự kiện thú vị (câu c), rồi Alex hỏi về sự kiện đó (câu a), và cuối cùng Sarah giải thích chi tiết về vấn đề với người phỏng vấn (câu b).

**Question 14:**

- a. Emma: "It's where students teach each other different skills, but here's the interesting part - we're breaking traditional gender stereotypes."
- b. Tom: "How does that work?"
- c. Tom: "Skills Exchange Club? What's that about?"
- d. Tom: "Hey Emma, why do you look so excited today?"
- e. Emma: "I just started a really cool project in our school! We're creating a 'Skills Exchange Club'."
- A. c-a-d-e-b                      B. d-e-c-b-a                      C. a-b-c-d-e                      **D. d-e-c-a-b**

Câu hỏi bắt đầu từ Tom hỏi Emma lý do cô vui (d), Emma giải thích dự án mới (e), Tom hỏi thêm về câu lạc bộ (c), Emma giải thích cách thức hoạt động và phá vỡ định kiến giới tính (a), và Tom hỏi cách thức hoạt động (b).

**Question 15:**

Dear Emma,

- a. Remember in college when people said I was crazy about pursuing this career?
- b. Yesterday, I helped rescue a little girl from a house fire. When I took off my helmet, her eyes lit up, and she said, "I didn't know girls could be firefighters!" I told her they can be anything they want to be.
- c. Well, look at me now! How's your tech company going? I heard you're now leading an all-male team!
- d. I can't wait to tell you about my first month as a firefighter! Being the only woman in the station was intimidating at first, but guess what? My team has been incredibly supportive.
- e. Stay amazing,  
LK

- A. a-b-c-d-e                      **B. d-b-a-c-e**                      C. c-b-a-e-d                      D. b-a-d-c-e

- d. "Tớ không thể chờ để kể cho cậu về tháng đầu tiên làm lính cứu hỏa!"
- b. "Hôm qua, tớ đã cứu một cô bé khỏi đám cháy, và khi tháo mũ bảo hiểm, mắt cô bé sáng lên và nói 'Tớ không biết các cô gái có thể là lính cứu hỏa!'"
- a. "Cậu còn nhớ lúc ở đại học mọi người nói tớ điên khi theo đuổi nghề này không?"
- c. "Nhìn tớ bây giờ! Công ty công nghệ của cậu thế nào? Tớ nghe nói cậu đang dẫn dắt một đội toàn nam!"
- e. "Chúc cậu luôn tuyệt vời, LK"

**Question 16:**

- a. In workplaces, diversity brings better results. Teams with equal gender representation solve problems more creatively and achieve higher success rates. Companies are learning that when everyone has a voice, everyone wins.
- b. Modern families share responsibilities equally. Both parents can pursue careers while caring for children. This balance shows the next generation that abilities and duties aren't tied to gender.
- c. Schools today encourage all students to follow their dreams. Girls excel in science and math, while boys thrive in nursing and teaching. No career is off-limits because of gender.
- d. Gender equality is changing our world for the better. We now see women leading companies and men choosing caregiving roles, showing that success depends on talent, not gender.
- e. The future is bright as we continue breaking old stereotypes. When we give everyone equal chances to succeed, our society becomes stronger, fairer, and more prosperous for all.

**A. d-a-c-b-e**

**B. c-a-b-d-e**

**C. b-d-c-a-e**

**D. a-b-c-d-e**

d (Bình đẳng giới đang thay đổi thế giới).

a (Đa dạng trong công việc mang lại kết quả tốt).

c (Các trường học khuyến khích học sinh theo đuổi ước mơ).

b (Gia đình hiện đại chia sẻ trách nhiệm).

e (Tương lai sẽ sáng lạn với cơ hội bình đẳng).

**Question 17:**

- a. Digital education is opening doors. Through online learning, anyone can master new skills from anywhere. Gender no longer limits what someone can learn or achieve.
- b. Social media is powering change. Young voices are sharing stories of success across all fields - from female coders to male designers - showing that skills matter more than gender in today's world.
- c. Smart technology is making workplaces fairer. Companies use AI to hire based on talent alone, while online platforms give everyone equal chances to learn and grow.
- d. The digital world is building a more equal future. In virtual spaces and online communities, young people are creating a world where success depends on ability, not gender.
- e. Technology is creating new paths for gender equality. Virtual work and remote jobs now let everyone balance success with personal life, breaking old barriers that once held people back.

**A. e-d-a-c-b**

**B. e-a-c-b-d**

**C. e-b-c-a-d**

**D. e-a-d-b-c**

e (Công nghệ tạo ra cơ hội bình đẳng).

b (Mạng xã hội chia sẻ câu chuyện thành công vượt qua giới tính).

c (Công nghệ thông minh tạo ra sự công bằng trong công việc).

a (Giáo dục kỹ thuật số mở rộng cơ hội học hỏi).

d (Thế giới kỹ thuật số xây dựng tương lai bình đẳng).

Read the following passage about **When Gender Roles Shape-Shift in Modern Startups** and mark the letter **A, B, C** or **D** on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

In recent years, the startup ecosystem (18)\_\_\_\_\_, which has fundamentally altered traditional workplace dynamics. (19)\_\_\_\_\_. While some organizations still struggle with gender bias, progressive startups are implementing policies that promote equal opportunities and fair compensation. These companies, (20)\_\_\_\_\_, are reporting higher productivity and innovation rates. Modern entrepreneurs, understanding the importance of balanced representation, are creating workplaces where talent supersedes gender stereotypes. By fostering an environment that celebrates diversity, startups are not only breaking down barriers but also setting new standards for the future of work. (21)\_\_\_\_\_. These organizations, having implemented mentorship programs and flexible work arrangements, are attracting top talent regardless of gender. As the startup landscape continues to evolve, (22)\_\_\_\_\_, inspiring a new generation of entrepreneurs to embrace inclusive practices and challenge traditional gender roles in the workplace.

**Question 18:**

- A. which has witnessed a remarkable transformation in gender roles
- B. that witnessing a remarkable transformation in gender roles
- C. has witnessed a remarkable transformation in gender roles**
- D. having witness a remarkable transformation in gender roles

Câu này cần sử dụng thì hiện tại hoàn thành, nên "has witnessed" là chính xác. "Which" nối với chủ ngữ "the startup ecosystem", và câu này nói về sự thay đổi đã diễn ra.

**Question 19:**

- A. Many emerging companies active recruiting women for executive positions
- B. Many emerging companies recruits women active for executive positions
- C. Many emerging companies women actively recruit for executive positions
- D. Many emerging companies actively recruit women for executive positions**

Câu này cần động từ "actively recruit" theo sau là "women for executive positions". "Active recruiting" là sai về cấu trúc ngữ pháp.

**Question 20:**

- A. which has embraced inclusive practices
- B. which have embraced inclusive practices**
- C. which embraced inclusive practices
- D. whose have embraced inclusive practices

"Which" nối với "companies" (số nhiều), và động từ cần chia ở dạng "have embraced" để phù hợp với chủ ngữ số nhiều.

**Question 21:**

- A. Research indicating higher profits at gender-diverse startups

## B. Research indicates higher profitability in gender-diverse startups

- C. Research they indicates higher profitability in startups
- D. Higher profitability in gender-diverse startups indicates research

Câu này cần sử dụng "Research indicates" (nghiên cứu chỉ ra) và sau đó là thông tin về "higher profitability in gender-diverse startups". "Indicating" hoặc "indicating research" không phù hợp trong ngữ cảnh này.

### Question 22:

## A. companies prioritizing gender equality are establishing themselves as industry leaders

- B. companies which prioritize gender equality and establishing themselves as industry leaders
- C. companies prioritized gender equality are establishing themselves as industry leaders
- D. companies having prioritized gender equality and establish themselves as industry leaders

Đây là câu chủ động với "companies prioritizing gender equality" (các công ty ưu tiên bình đẳng giới), nghĩa là những công ty này đang khẳng định vị thế của mình.

### Tạm Dịch Bài Đọc

Trong những năm gần đây, hệ sinh thái khởi nghiệp đã chứng kiến sự chuyển đổi đáng kể về vai trò giới tính, điều này đã thay đổi cơ bản động lực truyền thống tại nơi làm việc. Nhiều công ty mới nổi đang tích cực tuyển dụng phụ nữ vào các vị trí điều hành. Trong khi một số tổ chức vẫn đang đấu tranh với định kiến giới tính, các công ty khởi nghiệp tiên bộ đang thực hiện các chính sách thúc đẩy cơ hội bình đẳng và chế độ đãi ngộ công bằng. Những công ty này, đã áp dụng các hoạt động bao trùm, đang báo cáo năng suất và tỷ lệ đổi mới cao hơn. Các doanh nhân hiện đại, hiểu được tầm quan trọng của việc đại diện cân bằng, đang tạo ra nơi làm việc mà tài năng thay thế các khuôn mẫu giới tính. Bằng cách thúc đẩy một môi trường tôn vinh sự đa dạng, các công ty khởi nghiệp không chỉ phá vỡ rào cản mà còn thiết lập các tiêu chuẩn mới cho tương lai của công việc. Nghiên cứu chỉ ra rằng lợi nhuận cao hơn ở các công ty khởi nghiệp có sự đa dạng giới tính. Các tổ chức này, đã triển khai các chương trình cố vấn và sắp xếp công việc linh hoạt, đang thu hút những nhân tài hàng đầu bất kể giới tính. Khi bối cảnh khởi nghiệp tiếp tục phát triển, các công ty ưu tiên bình đẳng giới đang khẳng định mình là những người dẫn đầu ngành, truyền cảm hứng cho thế hệ doanh nhân mới áp dụng các hoạt động bao trùm và thách thức các vai trò giới tính truyền thống tại nơi làm việc.

**Read the following passage about Rewriting the Gender Narrative and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.**

The traditional narrative of women being confined to domestic roles is rapidly evolving in today's society. While historically women were expected to dedicate themselves solely to household management and childcare, the modern era has witnessed a remarkable transformation. Women are now breaking barriers across various professional fields, from technology to finance, proving their **capabilities** extend far beyond the kitchen counter.

This shift hasn't been without challenges. Many women face the complex task of balancing career aspirations with societal expectations. Despite these obstacles, female leaders are emerging in unprecedented

numbers, reshaping **corporate** cultures and challenging long-held stereotypes. Companies that embrace gender diversity consistently demonstrate higher productivity and innovation levels.

However, the journey toward equality remains incomplete. Women still encounter wage gaps, glass ceilings, and subtle discrimination in **their** professional lives. Progressive organizations are implementing mentorship programs, flexible work arrangements, and inclusive policies to address these issues. These initiatives not only support women's professional growth but also contribute to a more equitable workplace.

**Looking ahead, the future appears promising as more women assume leadership positions and inspire the next generation.** The narrative is shifting from "Can she do it?" to "How high will she climb?" This transformation isn't just about women's advancement; it's about creating a more balanced, innovative, and prosperous society for all.

**Question 23:** Which of the following is NOT mentioned as a challenge faced by women in the workplace?

- A. Sexual harassment**      B. Wage gaps      C. Glass ceilings      D. Subtle discrimination

Câu chuyện đề cập đến "wage gaps", "glass ceilings", và "subtle discrimination" là các thách thức mà phụ nữ phải đối mặt, nhưng không có đề cập đến sexual harassment.

**Question 24:** The word "**capabilities**" in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to \_\_\_\_\_.

- A. expertise      **B. limitations**      C. proficiencies      D. talents

"Capabilities" (khả năng) trái nghĩa với limitations (hạn chế), vì một người có capabilities nghĩa là họ có khả năng, trong khi limitations là những điều hạn chế khả năng.

**Question 25:** The word "**corporate**" in paragraph 2 could be best replaced by \_\_\_\_\_.

- A. business      B. professional      C. industrial      **D. organizational**

Trong bối cảnh này, "corporate" liên quan đến các tổ chức, công ty, do đó từ "organizational" (thuộc tổ chức) là sự thay thế hợp lý nhất.

**Question 26:** The word "**their**" in paragraph 3 refers to \_\_\_\_\_.

- A. Women**      B. Leaders      C. Companies      D. Organizations

Từ "their" trong đoạn văn ám chỉ đến women, vì đề cập đến sự phát triển nghề nghiệp và vai trò lãnh đạo của phụ nữ.

**Question 27:** Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

A. The gradual shift of women into management positions suggests that upcoming generations will have more opportunities for advancement.

B. The growing number of female leaders in corporate environments indicates a positive transformation in workplace demographics.

**C. The increasing presence of women in executive roles creates optimism and motivates future female professionals to pursue similar paths.**

D. The steady rise of women achieving senior positions demonstrates significant progress toward gender equality in business sectors.

Câu này diễn đạt sự gia tăng của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo, tạo ra sự lạc quan và động lực cho thế hệ phụ nữ tiếp theo. Đây là sự paraphrase chính xác của câu văn được nhấn mạnh trong đoạn 4.

**Question 28:** Which of the following is TRUE according to the passage?

A. Companies with gender diversity consistently show lower productivity levels .

**B. Progressive organizations are implementing mentorship programs and flexible work arrangements.**

C. All wage gaps and glass ceiling issues have been successfully eliminated.

D. The transition of women into corporate roles has been completely free of challenges .

Đoạn văn nói về các tổ chức tiên tiến đang triển khai các chương trình cố vấn và chế độ làm việc linh hoạt để hỗ trợ phụ nữ.

**Question 29:** In which paragraph does the writer mention in which professional fields are women breaking barriers?

A. Paragraph 4

B. Paragraph 3

C. Paragraph 2

**D. Paragraph 1**

Đoạn 1 nói về việc phụ nữ đang phá vỡ các rào cản trong các lĩnh vực nghề nghiệp, từ công nghệ đến tài chính.

**Question 30:** In which paragraph does the writer mention what organizations are doing to support women?

A. Paragraph 2

**B. Paragraph 3**

C. Paragraph 1

D. Paragraph 4

Đoạn 3 đề cập đến những gì các tổ chức đang làm để hỗ trợ phụ nữ, bao gồm các chương trình cố vấn, chế độ làm việc linh hoạt, và các chính sách bao hàm.

### Tạm Dịch Bài Đọc

Câu chuyện truyền thống về việc phụ nữ bị giới hạn trong các vai trò gia đình đang thay đổi nhanh chóng trong xã hội ngày nay. Trong khi trước đây, phụ nữ được kỳ vọng chỉ dành riêng cho việc quản lý gia đình và chăm sóc trẻ em, thì thời đại hiện đại đã chứng kiến một sự chuyển đổi đáng kể. Phụ nữ hiện đang phá vỡ rào cản trong nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau, từ công nghệ đến tài chính, chứng minh khả năng của họ vượt xa khỏi bếp.

Sự thay đổi này không phải là không có thách thức. Nhiều phụ nữ phải đối mặt với nhiệm vụ phức tạp là cân bằng giữa khát vọng nghề nghiệp với kỳ vọng của xã hội. Bất chấp những trở ngại này, các nhà lãnh đạo nữ đang nổi lên với số lượng chưa từng có, định hình lại văn hóa doanh nghiệp và thách thức các khuôn mẫu lâu đời. Các công ty chấp nhận sự đa dạng giới tính luôn chứng minh năng suất và mức độ đổi mới cao hơn.

Tuy nhiên, hành trình hướng tới bình đẳng vẫn chưa hoàn thành. Phụ nữ vẫn gặp phải khoảng cách tiền lương, rào cản vô hình và sự phân biệt đối xử tinh vi trong cuộc sống nghề nghiệp của họ. Các tổ chức tiên bộ đang triển khai các chương trình cố vấn, sắp xếp công việc linh hoạt và các chính sách toàn diện để giải quyết những vấn đề này. Những sáng kiến này không chỉ hỗ trợ sự phát triển nghề nghiệp của phụ nữ mà còn góp phần tạo nên một nơi làm việc công bằng hơn.

Nhìn về phía trước, tương lai có vẻ đầy hứa hẹn khi ngày càng nhiều phụ nữ đảm nhận các vị trí lãnh đạo và truyền cảm hứng cho thế hệ tiếp theo. Câu chuyện đang chuyển từ "Cô ấy có thể làm được không?"



sang "Cô ấy sẽ leo cao đến mức nào?" Sự chuyển đổi này không chỉ nhằm mục đích nâng cao vị thế của phụ nữ; mà còn nhằm tạo ra một xã hội cân bằng, sáng tạo và thịnh vượng hơn cho tất cả mọi người.

**Read the following passage about the The Untold Economics of Gender Parity and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.**

The persistent gender wage gap, along with the notorious **glass ceiling**, remains one of the most challenging economic issues today. Studies show that women earn 20-30% less than men for equivalent work globally. This "invisible tax" on female labor impacts both individual households and the broader economy. The World Economic Forum estimates that closing the gender gap could add up to \$28 trillion to global GDP by 2025.

Deeply rooted social norms and institutional barriers continue to obstruct progress toward gender parity. [I] Women often face limited access to education, financial services, and leadership opportunities. [II] In many societies, traditional expectations regarding family responsibilities disproportionately burden women, affecting **their** career advancement. [III], where women's workforce participation remains low. [IV]

Progressive organizations implementing gender-balanced policies have demonstrated remarkable success. Companies with diverse leadership teams report increased innovation, enhanced productivity, and higher employee satisfaction. Furthermore, businesses that prioritize gender equality often experience improved decision-making processes and stronger financial performance. These outcomes indicate that gender **parity** is both a social imperative and business strategy.

The path to economic gender parity requires a comprehensive approach. Governments must implement policies that promote equal opportunities and protect women's rights. **Corporations need to adopt transparent pay practices and actively promote women to leadership positions.** Only through coordinated efforts across all sectors can we unlock the full economic potential of gender equality.

**Question 31:** The phrase "**glass ceiling**" in paragraph 1 could be best replaced by \_\_\_\_\_.

- A. Break through                      **B. Hold back**                      C. Move up                      D. Keep down

"Glass ceiling" ám chỉ những rào cản vô hình ngăn cản phụ nữ thăng tiến trong sự nghiệp. "Hold back" (kiềm chế, ngăn cản) là cách diễn đạt phù hợp nhất, vì nó mô tả sự ngăn chặn sự phát triển của phụ nữ trong môi trường công việc.

**Question 32:** The word "**their**" in paragraph 1 refers to \_\_\_\_\_.

- A. men's                      **B. women's**                      C. organizations'                      D. societies'

Từ "their" trong đoạn 1 chỉ đến women's (phụ nữ), vì đề cập đến việc phụ nữ phải chịu đựng mức lương thấp hơn trong công việc.

**Question 33:** Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?

**These systemic challenges are particularly pronounced in developing economies**

- A. [I]                      B. [II]                      **C. [III]**                      D. [IV]

Câu "These systemic challenges are particularly pronounced in developing economies" nói về những khó khăn hệ thống, điều này phù hợp với phần [III], vì đoạn này nói về sự tham gia của phụ nữ trong lực lượng lao động ở các nền kinh tế đang phát triển.

**Question 34:** Which of the following is NOT mentioned as a benefit of gender-balanced organizations?

- A. Enhanced productivity
- B. Higher employee satisfaction
- C. Improved decision-making processes

**D. Reduced operational costs**

Đoạn văn không nhắc đến việc giảm chi phí vận hành (reduced operational costs) như một lợi ích của tổ chức cân bằng giới tính. Những lợi ích được đề cập là tăng năng suất, sự hài lòng của nhân viên, và cải thiện quy trình ra quyết định.

**Question 35:** Which of the following best summarises paragraph 3?

**A. Organizations implementing gender policies achieve enhanced business outcomes and financial growth.**

- B. Companies focusing on gender diversity improve workplace culture but see limited financial returns.
- C. Businesses with balanced leadership teams show better innovation but face operational challenges.
- D. Corporations pursuing equality measures demonstrate social progress but lack measurable benefits.

Đoạn 3 nêu rõ rằng các tổ chức thực hiện các chính sách cân bằng giới tính sẽ đạt được kết quả kinh doanh và tăng trưởng tài chính vượt trội.

**Question 36:** The word "parity" in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to \_\_\_\_\_.

- A. inequality
- B. disparity
- C. equivalence
- D. imbalance

Từ "parity" có nghĩa là sự công bằng, vì vậy từ trái nghĩa sẽ là "inequality" (bất bình đẳng).

**Question 37:** Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Global studies indicate women earn fifty percent more than men for comparable work positions.

**B. Studies show women earn twenty to thirty percent less than men for equivalent work globally.**

- C. Research suggests women earn forty to fifty percent less than men for similar work worldwide.
- D. Recent data shows women earn ten to twenty percent more than men for equal work positions.

Đoạn văn nói rằng phụ nữ kiếm ít hơn 20-30% so với nam giới cho công việc tương đương trên toàn cầu.

**Question 38:** Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. Companies must establish equitable compensation systems and create new positions designated for female leaders.
- B. Businesses should focus on adjusting current pay scales while increasing the visibility of women in senior positions.
- C. Corporations need to restructure their payment processes and maintain gender quotas in management positions.

**D. Organizations should implement clear salary policies while ensuring women advance into executive management roles.**

Câu này phù hợp nhất với đoạn văn, nhấn mạnh rằng các tổ chức cần thực hiện chính sách lương rõ ràng và đảm bảo phụ nữ có cơ hội thăng tiến vào các vị trí quản lý cấp cao.

**Question 39:** Which of the following can be inferred from the passage?

**A. Companies implementing gender diversity policies consistently demonstrate stronger financial performance in markets.**

**B.** The wage disparity between men and women primarily affects developing nations and their economic growth rates.

**C.** Government intervention through comprehensive policy changes is the sole solution to achieve gender equality.

**D.** Traditional family responsibilities and societal expectations create insurmountable barriers to career advancement.

Đoạn văn cho thấy rằng các tổ chức thực hiện chính sách đa dạng giới tính thường đạt hiệu quả tài chính tốt hơn và có năng suất cao hơn.

**Question 40:** Which of the following best summarises the passage?

**A.** Gender disparities in wages and opportunities stem from institutional barriers and social norms, requiring comprehensive policy reforms and cultural shifts to achieve meaningful economic equality.

**B.** Organizations implementing gender-balanced policies demonstrate enhanced productivity and innovation, indicating that workplace equality drives substantial financial and operational benefits.

**C. Coordinated efforts between governments and corporations are essential to address systemic barriers and unlock global economic potential through gender parity implementation and reform.**

**D.** The integration of women into leadership positions and the elimination of wage gaps could generate significant economic growth while transforming traditional business structures.

Đáp án C tóm tắt đúng ý chính của bài viết. Bài viết nhấn mạnh rằng việc đạt được bình đẳng giới không chỉ là vấn đề của các tổ chức mà còn cần sự phối hợp giữa chính phủ và các doanh nghiệp để giải quyết các rào cản hệ thống và tối đa hóa tiềm năng kinh tế toàn cầu thông qua việc thực hiện và cải cách bình đẳng giới.

### Tạm Dịch Bài Đọc

Khoảng cách tiền lương theo giới tính dai dẳng, cùng với trần kính khét tiếng, vẫn là một trong những vấn đề kinh tế thách thức nhất hiện nay. Các nghiên cứu cho thấy phụ nữ kiếm được ít hơn nam giới 20-30% cho công việc tương đương trên toàn cầu. "Thuế vô hình" này đối với lao động nữ tác động đến cả hộ gia đình riêng lẻ và nền kinh tế nói chung. Diễn đàn Kinh tế Thế giới ước tính rằng việc thu hẹp khoảng cách giới tính có thể tăng thêm 28 nghìn tỷ đô la vào GDP toàn cầu vào năm 2025.

Các chuẩn mực xã hội và rào cản thể chế ăn sâu bám rễ tiếp tục cản trở tiến trình hướng tới bình đẳng giới. Phụ nữ thường phải đối mặt với hạn chế trong việc tiếp cận giáo dục, dịch vụ tài chính và cơ hội lãnh đạo. Ở nhiều xã hội, kỳ vọng truyền thống về trách nhiệm gia đình gây gánh nặng không cân xứng cho phụ

nữ, ảnh hưởng đến sự thăng tiến trong sự nghiệp của họ. Những thách thức mang tính hệ thống này đặc biệt rõ rệt ở các nền kinh tế đang phát triển, nơi sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động vẫn còn thấp.

Các tổ chức tiên bộ thực hiện các chính sách cân bằng giới đã chứng minh được thành công đáng kể. Các công ty có đội ngũ lãnh đạo đa dạng báo cáo rằng sự đổi mới tăng lên, năng suất được cải thiện và sự hài lòng của nhân viên cao hơn. Hơn nữa, các doanh nghiệp ưu tiên bình đẳng giới thường trải qua quá trình ra quyết định được cải thiện và hiệu quả tài chính mạnh mẽ hơn. Những kết quả này chỉ ra rằng bình đẳng giới vừa là mệnh lệnh xã hội vừa là chiến lược kinh doanh.

Con đường hướng tới bình đẳng giới về kinh tế đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện. Chính phủ phải thực hiện các chính sách thúc đẩy cơ hội bình đẳng và bảo vệ quyền của phụ nữ. Các tập đoàn cần áp dụng các biện pháp trả lương minh bạch và tích cực thúc đẩy phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo. Chỉ thông qua các nỗ lực phối hợp trên tất cả các lĩnh vực, chúng ta mới có thể khai thác hết tiềm năng kinh tế của bình đẳng giới.